Số: 3464/UBND-KT; 30/06/2026; 15:53:59

UBND XÃ TIÊN ĐIỀN

PHỤ LỤC 1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN VỐN CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2026
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÀ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

(Ban hành kèm theo Công văn số: /UBND-KT ngày /6/2026 của UBND xã Tiên Điền)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng Kinh phí chuyển nguồn sang 2026			Số kinh phí chuyển nguồn sang 2026 đã giải ngân (số liệu đến 20/6/2026)			Ước giải ngân kinh phí chuyển nguồn sang 2026 đến 30/6/2026		
		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó	
			NSTW	NSĐP		NSTW	NSĐP		NSTW	NSĐP
	TỔNG CỘNG	**373,52**	**350,00**	**23,52**	**-**	**-**	**-**	**-**	**80,00**	**-**
A	**Vốn đầu tư phát triển**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
B	**Vốn sự nghiệp**	**373,52**	**350,00**	**23,52**	**-**	**-**	**-**	**-**	**80,00**	**-**
I	**Chương trình MTQG Nông thôn mới**	**350,00**	**350,00**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**80,00**	**-**
1	Xây dựng thôn thông minh	260,00	260,00	-	-	-	-	-	-	
2	Nhà văn hoá cộng đồng - Ngôi nhà trí tuệ	80,00	80,00	-	-	-	-	-	80,00	-
3	Hỗ trợ các dự án, mô hình, phương án kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp	10,00	10,00	-	-	-	-	-	-	-
II	**Chương trình MTQG giảm nghèo**	**23,52**	**-**	**23,52**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
1	Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo nguồn NSTW (Văn phòng HĐND và UBND xã Tiên Điền - 1145165)	23,52	-	23,52	-	-	-	-	-	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

UBND XÃ TIÊN ĐIỀN **PHỤ LỤC 2**

ĐỀ XUẤT THU HỒI VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÀ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025 CHUYỂN SANG NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Công văn số: /UBND-KT ngày /6/2026 của UBND xã Tiên Điền)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung đã được phân bổ (nêu rõ nội dung, Quyết định phân bổ của UBND tỉnh)	Đơn vị thực hiện	Kế hoạch vốn đã phân bổ/dự kiến phân bổ	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí ngân sách trung ương đề xuất thu hồi	Nguyên nhân , lý do	Ghi chú

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

UBND XÃ TIÊN ĐIỀN **PHỤ LỤC 3**

ĐỀ XUẤT BỔ SUNG VỐN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Công văn số: /UBND-KT ngày /6/2026 của UBND xã Tiên Điền)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Tổng kinh phí	NSTW	Vốn khác	Cơ sở đề xuất (Về nội dung, Mức hỗ trợ)	Ghi chú
1	**Lĩnh vực Nông thôn mới**		**10.000**	**10.000**	**-**		
-	Vốn đầu tư	UBND xã Tiên Điền	10.000	10.000	-	Nội dung 01 tại Tiết 1.2.2, Tiểu mục 1.2, Mục 1 Phần III của Phụ lục kèm theo Quyết định số 417/QĐ-BNNMT	
2	**Lĩnh vực Giảm nghèo**		**350**	**315**	**35**		
-	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	UBND xã Tiên Điền	300	270	30	Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính Phủ	Đã có VB đề xuất
-	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá Chương trình (Dự án 7)	UBND xã Tiên Điền	50	45	5	Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính Phủ	Đã có VB đề xuất

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

UBND XÃ TIÊN ĐIỀN **PHỤ LỤC 4**

Biểu rà soát, các định số kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới còn lại chưa sử dụng của các đơn vị cấp huyện (cũ) khi kết thúc hoạt động

(Ban hành kèm theo Công văn số: /UBND-KT ngày /6/2026 của UBND xã Tiên Điền)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị (cấp huyện cũ)	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán năm 2025 (giao đầu năm + bổ sung trong năm)	Dự toán đã sử dụng	Dự toán còn lại chưa sử dụng của các đơn vị cấp huyện cũ khi kết thúc hoạt động chuyển cấp tỉnh	Ghi chú
A	B	1	2	3	4=1+2-3	5
I	**Chương trình MTQG Nông thôn mới**	**217,04**	**21.245,00**	**19.332,61**	**2.129,43**	
1	Vốn đầu tư phát triển	71,90	19.000,00	17.941,61	1.130,29	Chưa phân bổ tại NS huyện (cũ)
2	Vốn thường xuyên	145,14	2.245,00	1.391,00	999,14	
2.1	Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở (Môhình Nhà văn hóa cộng đồng - Ngôi nhà trí tuệ)	10,00	240,00	-	250,00	Chưa phân bổ tại NS huyện (cũ)
2.2	Đào tạo nghề cho lao động NT	59,10			59,10	Chưa phân bổ tại NS huyện (cũ)
2.3	Đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng		90,00	-	90,00	Chưa phân bổ tại NS huyện (cũ)
2.4	Kinh phí hoạt động của cơ quan chỉ đạo Chương trình các cấp theo quy định (Kinh phí quản lý, chỉ đạo chương trình)		50,00	-	50,00	Chưa phân bổ tại NS huyện (cũ)
2.5	KP triển khai tổng kết, phát động phong trào " cả nước thi đua xây dựng nông thôn mới"		100,00	-	100,00	Chưa phân bổ tại NS huyện (cũ)
2.6	Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	42,50	50,00	-	92,50	Chưa phân bổ tại NS huyện (cũ)
2.7	Chương trình phát triển du lịch nông thôn	2,54	140,00	140,00	2,54	Chưa phân bổ tại NS huyện (cũ)
2.8	Hỗ trợ nâng cao chất lượng môi trường		775,00	720,00	55,00	Chưa phân bổ tại NS huyện (cũ)

TT	Đơn vị (cấp huyện cũ)	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán năm 2025 (giao đầu năm + bổ sung trong năm)	Dự toán đã sử dụng	Dự toán còn lại chưa sử dụng của các đơn vị cấp huyện cũ khi kết thúc hoạt động chuyển cấp tỉnh	Ghi chú
2.9	Hỗ trợ các dự án, mô hình, phương án kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp (Huyện đã phân bổ cho Trung tâm ứng dụng KHKT và CTVN 70trđ đề xuất chuyển về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tiếp tục thực hiện)		370,00	70,00	300,00	Chưa phân bổ tại NS huyện (cũ)
2.10	Hỗ trợ các xã xây dựng nông thôn mới	31,00	430,00	461,00	-	Chưa phân bổ tại NS huyện (cũ)
II	**Chương trình MTQG giảm nghèo**	**3.003,87**	**1.679,00**	**1.679,00**	**3.003,87**	
1	**Vốn đầu tư phát triển**	**-**	**-**	**-**	**-**	
2	**Vốn thường xuyên**	**3.003,87**	**1.679,00**	**1.679,00**	**3.003,87**	
2.1	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	23,00	1.334,00	1.334,00	23,00	Chưa phân bổ tại NS huyện (cũ) (NS tỉnh 23 trđ)
2.2	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (Dự án 4)	2.077,00	-	-	2.077,00	Chưa phân bổ tại NS huyện (cũ) (NSTW 1941 trd; NS tỉnh 136 trđ)
2.3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững (Dự án 4)	526,00	-		526,00	Chưa phân bổ tại NS huyện (cũ) (NSTW 94,2trd; NS tỉnh 9 trđ)
2.4	Văn phòng HĐND&UBND huyện (Chi tiết phòng Nội vụ - Đã nộp về NS huyện)	107,93	345,00	345,00	107,93	Chưa phân bổ tại NS huyện (cũ) (NSTW 92,9 trd; NS tỉnh 15 trđ)
2.5	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình (dự án 7)	189,00	-	-	189,00	Chưa phân bổ tại NS huyện (cũ) (NSTW 164 trd; NS tỉnh 25 trđ)
2.6	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá Chương trình (Dự án 7)	80,94	-		80,94	Chưa phân bổ tại NS huyện (cũ) (NSTW 61,9 trd; NS tỉnh 19 trđ)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ